

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHAT GENERAL INVESTMENT AND TRADING LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: ANPHAT LLC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110767471

3. Ngày thành lập: 28/06/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 37 Ngõ Quan Thổ 1, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0384531038

Fax:

Email: thuongmaitonghopanphat@gmail.com Website: il.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
2.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
4.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
5.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
6.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8.	Xây dựng nhà để ở	4101
9.	Xây dựng nhà không để ở	4102
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Phá dỡ (Loại trừ nội dung liên quan đến rà phá bom, mìn thuộc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ)	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ nội dung liên quan đến rà phá bom, mìn thuộc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ)	4312

Thời gian đăng từ ngày 29/06/2024 đến ngày 29/07/2024

17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
22.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
23.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
24.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
25.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Loại trừ đấu giá hàng hóa	4610
26.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
28.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
32.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Nhà Nước cấm, không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất bảo vệ thực vật) - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
35.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
37.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế	4772

38.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ - Bán lẻ máy móc, thiết bị quan trắc môi trường - Bán lẻ trang thiết bị an toàn và trang thiết bị bảo hộ lao động trong phòng thí nghiệm - Bán lẻ máy móc, thiết bị giáo dục và đào tạo (Trừ các loại hình Nhà Nước cấm)	4773
39.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
40.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
41.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4791
43.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô	4933
46.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
47.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Điều kiện kinh doanh vận tải biển (Điều 4 Nghị định 160/2016/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 147/2018/NĐ-CP)	5012
48.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa (Điều 6 Nghị định 160/2016/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 147/2018/NĐ-CP)	5022
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
53.	Bưu chính	5310
54.	Chuyển phát	5320(Chính)
55.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
56.	Quảng cáo	7310
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất (Trừ thiết kế công trình xây dựng)	7410
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội